

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Bà Trần Thị Lê	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trần Doãn Thoan

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019

Số: 20319.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 được lập ngày 21 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 03 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.055.614.179	110.335.551.455
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.765.424.144	3.457.758.515
111	1. Tiền		3.765.424.144	3.457.758.515
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.801.636.773	32.146.698.087
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	30.084.802.436	29.303.887.455
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	620.769.268	2.832.316.361
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.096.065.069	10.494.271
140	IV. Hàng tồn kho	7	76.896.385.992	69.993.771.646
141	1. Hàng tồn kho		76.896.385.992	69.993.771.646
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		592.167.270	4.737.323.207
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.090.390.352
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		592.167.270	3.646.932.855
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.596.250.117	37.036.481.967
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		40.000.000	70.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	40.000.000	70.000.000
220	II. Tài sản cố định		32.556.250.117	36.966.481.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	32.556.250.117	36.966.481.967
222	- Nguyên giá		85.544.992.716	83.089.463.672
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.988.742.599)	(46.122.981.705)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		145.651.864.296	147.372.033.422


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		88.648.980.674	97.648.768.160
310	I. Nợ ngắn hạn		88.548.980.674	97.543.768.160
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	24.297.143.558	40.563.139.334
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	-	184.410.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	787.060.727	508.744.656
314	4. Phải trả người lao động		18.518.805.961	15.479.753.936
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	50.000.000	136.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.196.784.012	10.832.568.139
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	41.548.012.180	26.760.668.500
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.151.174.236	3.078.482.998
330	II. Nợ dài hạn		100.000.000	105.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	100.000.000	105.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		57.002.883.622	49.723.265.262
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	57.002.883.622	49.723.265.262
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		48.633.860.000	48.633.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		48.633.860.000	48.633.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.135.257.619	627.377.268
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.233.766.003	462.027.994
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		462.027.994	62.704.503
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.771.738.009	399.323.491
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		145.651.864.296	147.372.033.422


Nguyễn Văn Kiên
Người lập


Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng


Trần Doãn Thoan
Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	388.222.166.590	462.826.884.898
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		388.222.166.590	462.826.884.898
11	4. Giá vốn hàng bán	18	340.953.634.820	418.902.298.207
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.268.531.770	43.924.586.691
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.349.243.676	2.630.876.687
22	7. Chi phí tài chính	20	2.352.919.392	2.062.332.717
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		956.141.100	1.109.772.276
25	8. Chi phí bán hàng	21	3.241.175.824	4.198.807.420
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	34.156.353.175	29.883.763.838
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.867.327.055	10.410.559.403
31	11. Thu nhập khác	23	713.513.584	92.136.364
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		713.513.584	92.136.364
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.580.840.639	10.502.695.767
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.116.168.128	2.100.539.153
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.464.672.511	8.402.156.614
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.497	1.486

34
Nguyễn Văn Kiên
Người lập

Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.580.840.639	10.502.695.767
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.923.425.993	6.475.425.506
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.640.280)	41.674.513
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(62.722.167)	(24.545.455)
06	- Chi phí lãi vay		956.141.100	1.109.772.276
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.353.045.285	18.105.022.607
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.317.329.454	(5.453.606.572)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.902.614.346)	21.228.073.644
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(16.826.016.468)	(24.177.575.727)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.090.390.352	1.090.390.352
14	- Tiền lãi vay đã trả		(956.141.100)	(1.109.772.276)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.841.403.031)	(2.136.405.560)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.112.362.913)	(1.609.595.248)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.877.772.767)	5.936.531.220
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.518.362.377)	(1.713.858.622)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		61.181.818	24.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.708.583	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.450.471.976)	(1.689.313.167)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.859.214.071	85.779.350.191
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(82.889.067.866)	(108.448.857.767)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.322.401.800)	(553.210.158)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.647.744.405	(23.222.717.734)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		319.499.662	(18.975.499.681)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.457.758.515	22.433.258.196

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.834.033)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.765.424.144</u>	<u>3.457.758.515</u>



Suy
Nguyễn Văn Kiên
Người lập

[Signature]
Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

[Signature]
Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 48.633.860.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 48.633.860.000 đồng; tương đương 4.863.386 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại sản phẩm may mặc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu hàng may mặc.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	02 - 03 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê kho được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	103.054	53.324.577
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.765.321.090	3.404.433.938
	3.765.424.144	3.457.758.515



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Itochu Prominent USA LLC	22.522.966.739	-	25.312.430.044	-
Prominent (Europe) Ltd	4.535.560.964	-	3.040.417.963	-
Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	2.693.819.163	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	332.455.570	-	951.039.448	-
	30.084.802.436	-	29.303.887.455	-

Trong đó:

Giá trị ghi sổ của khoản nợ phải thu khách hàng dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 30.084.802.436 đồng.

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	22.800.000	-	-	-
--	-------------------	----------	----------	----------

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)***5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Credit Agricole Leasing & Factoring Sa	-	-	1.609.180.251	-
Hangzhou Sanyue Textile Co.,Ltd	-	-	340.057.388	-
Anwise Corporation	253.088.084	-	190.300.229	-
Lord Fabrics Limited	-	-	207.025.820	-
Banswara Syntex Limited	-	-	188.345.676	-
Cervotessile Textile (Shenyang) Co., Ltd	249.093.420	-	-	-
Các đối tượng khác	118.587.764	-	297.406.997	-
	620.769.268	-	2.832.316.361	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.332.073	-	-	-
Tạm ứng	-	-	2.821.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.067.666.496	-	-	-
Phải thu khác	21.066.500	-	7.673.271	-
	1.096.065.069	-	10.494.271	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	70.000.000	-
	40.000.000	-	70.000.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	1.067.666.496	-	-	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)***7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.845.171.046	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.887.525.748	-	26.679.135.511	-
Công cụ, dụng cụ	60.706.252	-	338.098.154	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.972.002.790	-	8.309.028.625	-
Thành phẩm	48.130.980.156	-	34.667.509.356	-
	76.896.385.992	-	69.993.771.646	-

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 76.896.385.992 đồng.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	25.104.671.444	53.087.399.959	1.578.583.890	340.536.200	2.978.272.179	83.089.463.672
- Mua trong năm	1.652.469.727	-	-	-	-	1.652.469.727
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.365.892.650	-	-	-	1.365.892.650
- Thanh lý, nhượng bán	-	(62.833.333)	-	-	-	(62.833.333)
- Giảm do được hỗ trợ từ Công ty mẹ	(500.000.000)	-	-	-	-	(500.000.000)
Số dư cuối năm	26.257.141.171	54.390.459.276	1.578.583.890	340.536.200	2.978.272.179	85.544.992.716
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16.278.152.569	26.427.928.242	1.057.462.822	288.196.615	2.071.241.457	46.122.981.705
- Khấu hao trong năm	546.879.228	5.906.046.351	138.530.146	29.908.332	302.061.936	6.923.425.993
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57.665.099)	-	-	-	(57.665.099)
Số dư cuối năm	16.825.031.797	32.276.309.494	1.195.992.968	318.104.947	2.373.303.393	52.988.742.599
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	8.826.518.875	26.659.471.717	521.121.068	52.339.585	907.030.722	36.966.481.967
Tại ngày cuối năm	9.432.109.374	22.114.149.782	382.590.922	22.431.253	604.968.786	32.556.250.117

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.462.616.921 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Prominent (Europe) Ltd	11.485.855.492	11.485.855.492	19.264.287.426	19.264.287.426
Itochu Corporation	3.876.789.397	3.876.789.397	10.761.707.781	10.761.707.781
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	-	-	1.673.903.000	1.673.903.000
Công ty TNHH Thiết bị may Tín Hùng	78.991.127	78.991.127	1.612.281.440	1.612.281.440
Công ty TNHH Xây Dựng An Đông	1.049.605.423	1.049.605.423	944.932.228	944.932.228
Phải trả các đối tượng khác	7.805.902.119	7.805.902.119	6.306.027.459	6.306.027.459
	24.297.143.558	24.297.143.558	40.563.139.334	40.563.139.334
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	896.742.358	896.742.358

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)***10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP đầu tư K&G Việt Nam	-	184.410.597
	-	184.410.597

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.851.482.427	1.851.482.427	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	246.868.442	246.868.442	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	488.510.995	2.116.168.128	1.841.403.031	-	763.276.092
Thuế Thu nhập cá nhân	-	20.233.661	235.030.359	231.479.385	-	23.784.635
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	508.744.656	4.452.549.356	4.174.233.285	-	787.060.727

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí sửa chữa tài sản	-	86.000.000
- Chi phí phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	50.000.000	136.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	536.650.364	554.793.576
- Bảo hiểm xã hội	-	36.553.859
- Bảo hiểm y tế	-	6.450.681
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.866.969
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	6.322.401.800
- Phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	3.094.706.961
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	617.133.648	814.794.293
	1.196.784.012	10.832.568.139
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	105.000.000
	100.000.000	105.000.000
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	-	7.204.268.261

1105-6
NHÀ
GTYT
KIỂM
AASC
TP. HỒ

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	23.510.668.500	23.510.668.500	97.859.214.071	79.821.870.391	41.548.012.180	41.548.012.180
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	23.510.668.500	23.510.668.500	97.859.214.071	79.821.870.391	41.548.012.180	41.548.012.180
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000.000	-	-
	26.760.668.500	26.760.668.500	97.859.214.071	83.071.870.391	41.548.012.180	41.548.012.180
b) Vay dài hạn						
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000.000	-	-
	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.250.000.000)	(3.250.000.000)	-	(3.250.000.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng cấp tín dụng số 23364.18.201.150496.TD ngày 05/07/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc;
- + Thời hạn của các Khoản tín dụng trong hạn mức: Không quá 05 tháng từ ngày giải ngân theo từng Khế ước nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: theo từng kế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.786.243 USD, tương đương 41.548.012.180 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp toàn bộ hàng tồn kho và quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (*)	-	-	3.250.000.000	-
	-	-	3.250.000.000	-
Mối quan hệ: (*) Công ty mẹ				

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	48.633.860.000	123.247.871	62.704.503	48.819.812.374
Lãi trong năm trước	-	-	8.402.156.614	8.402.156.614
Chia cổ tức	-	-	(6.322.401.800)	(6.322.401.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	504.129.397	(504.129.397)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.176.301.926)	(1.176.301.926)
Số dư cuối năm trước	48.633.860.000	627.377.268	462.027.994	49.723.265.262
Số dư đầu năm nay	48.633.860.000	627.377.268	462.027.994	49.723.265.262
Lãi trong năm nay	-	-	8.464.672.511	8.464.672.511
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	507.880.351	(507.880.351)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.185.054.151)	(1.185.054.151)
Số dư cuối năm nay	48.633.860.000	1.135.257.619	7.233.766.003	57.002.883.622

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 theo kế hoạch đã được Đại hội Cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.464.672.511
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6,00%	507.880.351
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,00%	1.185.054.151
Lợi nhuận chưa phân phối	80,00%	6.771.738.009

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	65,00%	31.612.010.000	65,00%	31.612.010.000
Các cổ đông khác	35,00%	17.021.850.000	35,00%	17.021.850.000
	100%	48.633.860.000	100%	48.633.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	48.633.860.000	48.633.860.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	48.633.860.000	48.633.860.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	6.322.401.800	1.580.600.483
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	-	6.322.401.800
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	6.322.401.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(6.322.401.800)	(1.580.600.483)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(6.322.401.800)	(1.580.600.483)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	6.322.401.800

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.863.386	4.863.386
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.863.386	4.863.386
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.257.619	627.377.268
	1.135.257.619	627.377.268

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.151.834.112	1.001.594.880
	1.151.834.112	1.001.594.880

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký thỏa thuận thuê số 01 về việc thanh toán tiền sử dụng đất tại số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2017. Diện tích khu đất thuê là 16.169,3 m². Theo thỏa thuận này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ

- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công:

ĐVT	31/12/2018	01/01/2018
m ²		
	8.370,89	-

d) Ngoại tệ các loại

- Đồng đô la Mỹ (USD)

31/12/2018	01/01/2018
157.787,11	128.708,29

e) Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty TNHH May mặc S.M

31/12/2018	01/01/2018
VND	VND
6.308.051.602	6.308.051.602

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hàng xuất khẩu	349.156.105.966	447.169.234.328
Doanh thu hàng kinh tế	37.273.944.114	14.222.728.357
Doanh thu dịch vụ khác	1.792.116.510	1.434.922.213
	388.222.166.590	462.826.884.898
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	3.531.129.982	-

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng xuất khẩu	316.171.534.196	407.698.586.799
Giá vốn hàng kinh tế	24.608.277.888	11.029.888.672
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	173.822.736	173.822.736
	340.953.634.820	418.902.298.207

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.708.583	7.505.487
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	25.348.687	9.905.018
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.272.546.126	2.613.466.182
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	44.640.280	-
	2.349.243.676	2.630.876.687

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	956.141.100	1.109.772.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.396.778.292	910.885.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	41.674.513
	2.352.919.392	2.062.332.717

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.994.786	712.395.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.287.830.014	2.627.262.498
Chi phí khác bằng tiền	810.351.024	859.149.660
	3.241.175.824	4.198.807.420

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	2.060.031.065	1.399.799.630
Chi phí nhân công	23.968.010.265	21.721.564.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.513.554	195.871.177
Thuế, phí, lệ phí	647.966.196	573.034.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.489.946.059	1.522.013.376
Chi phí khác bằng tiền	5.750.886.036	4.471.480.560
	34.156.353.175	29.883.763.838

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	56.013.584	24.545.455
Tiền hỗ trợ nhận được	651.500.000	-
Thu nhập khác	6.000.000	67.590.909
	713.513.584	92.136.364

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.580.840.639	10.502.695.767
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.580.840.639	10.502.695.767
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.116.168.128	2.100.539.153
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(1.400.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	488.510.995	525.777.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.841.403.031)	(2.136.405.560)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	763.276.092	488.510.995

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.464.672.511	8.402.156.614
Các khoản điều chỉnh:	(1.185.054.152)	(1.176.301.926)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(1.185.054.152)	(1.176.301.926)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.279.618.359	7.225.854.688
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.497	1.486

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2018, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành với mức 14% Lợi nhuận sau thuế.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.032.792.265	317.243.014.018
Chi phí nhân công	100.723.188.920	98.151.481.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.923.425.993	6.475.425.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.438.520.810	23.228.555.839
Chi phí khác bằng tiền	8.359.680.796	8.809.680.410
	387.477.608.784	453.908.157.027

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.765.424.144	-	3.457.758.515	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.220.867.505	-	29.384.381.726	-
	34.986.291.649	-	32.842.140.241	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			41.548.012.180	26.760.668.500
Phải trả người bán, phải trả khác			25.593.927.570	51.500.707.473
Chi phí phải trả			50.000.000	136.000.000
			67.191.939.750	78.397.375.973

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.765.424.144	-	-	3.765.424.144
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.180.867.505	40.000.000	-	31.220.867.505
	34.946.291.649	40.000.000	-	34.986.291.649
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.457.758.515	-	-	3.457.758.515
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.314.381.726	70.000.000	-	29.384.381.726
	32.772.140.241	70.000.000	-	32.842.140.241

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	41.548.012.180	-	-	41.548.012.180
Phải trả người bán, phải trả khác	25.493.927.570	100.000.000	-	25.593.927.570
Chi phí phải trả	50.000.000	-	-	50.000.000
	67.091.939.750	100.000.000	-	67.191.939.750

Tại ngày 01/01/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Vay và nợ	26.760.668.500	-	-	26.760.668.500
Phải trả người bán, phải trả khác	51.395.707.473	105.000.000	-	51.500.707.473
Chi phí phải trả	136.000.000	-	-	136.000.000
	<u>78.292.375.973</u>	<u>105.000.000</u>	<u>-</u>	<u>78.397.375.973</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	97.859.214.071	85.779.350.191

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	82.889.067.866	108.448.857.767

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn
	VND	VND	doanh nghiệp
			VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	349.156.105.966	39.066.060.624	388.222.166.590
Tài sản bộ phận	141.489.524.494	4.162.339.802	145.651.864.296
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.018.362.377	-	3.018.362.377

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bình Phú	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Cùng công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.531.129.982	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.485.053.000	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	20.727.273	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	25.349.709	-
Chi phí gia công	3.653.208.247	295.439.000
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	84.699.655	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	223.508.000	295.439.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.326.999.786	-
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	18.000.806	-
Thu nhập bán tài sản	9.181.818	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	3.272.727	-
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	5.909.091	-
Tiền thuê đất	968.605.747	968.605.747
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	968.605.747	968.605.747
Chi cổ tức	4.109.561.300	4.109.561.300
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.109.561.300	4.109.561.300
Chi phí lãi vay	108.333.330	339.431.705
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	108.333.330	339.431.705

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	22.800.000	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	22.800.000	-
Phải thu khác	1.067.666.496	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.067.666.496	-
Phải trả người bán ngắn hạn	-	896.742.358
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	896.742.358
Phải trả khác	-	7.204.268.261
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	7.204.268.261

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	421.200.000	421.200.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.085.400.000	899.100.000

5-008-C
PHẦN
TNHH
M T
SC
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.



Nguyễn Văn Kiên
Người lập



Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng



Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019

